

NHU CẦU HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ THU HÀ*

Dẫn nhập

Bài viết dưới đây là một phần của kết quả nghiên cứu thuộc tài cấp Nhà nước, thực hiện nhiệm vụ Nghị định thư số 45/2010/HĐ-NĐT: “*Đổi mới Công tác xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. (Nghiên cứu kinh nghiệm của Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Liên Bang Nga)*”, do tác giả chủ trì. Do sự chi phối về nguồn lực và thời gian, khảo sát được thực hiện tại 3 tỉnh/thành phố, với tính chất đại diện cho thủ đô, thành phố lớn, và tỉnh có hoạt động bảo trợ xã hội tương đối phong phú, một phần do ảnh hưởng nặng nề từ chiến tranh, với 4 nhóm đối tượng chính. Cơ cấu mẫu khảo sát cụ thể như sau:

Bảng 1: Cơ cấu mẫu khảo sát: Thực trạng Công tác xã hội tại Việt Nam

Tỉnh/ thành phố	Cán bộ CTXH		Giảng viên CTXH		Sinh viên CTXH		Người dân thụ hưởng/sử dụng dịch vụ CTXH		Tổng	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Hà Nội	175	35,0	50	50,0	286	65,0	177	38,5	688	100,0
Quảng Trị	225	45,0			69	15,7	216	47,0	510	100,0
TP. HCM	100	20,0	50	50,0	85	19,3	67	14,6	302	100,0
Tổng	500	100,0	100	100,0	440	100,0	460	100,0	1500	100,0

Mục đích chính của khảo sát hướng tới việc làm rõ thực trạng Công tác xã hội (CTXH) tại Việt nam hiện nay, đặc biệt chú trọng tới nhu cầu hoạt động công tác xã hội trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, sự phát triển và hiệu quả của mạng lưới công tác xã hội, sự đáp ứng và thiếu hụt của nhân lực công tác xã hội, cũng như những hoạt động đào tạo nguồn nhân lực công tác xã hội, để đáp ứng yêu cầu phát triển Công tác xã hội thành một nghề chuyên nghiệp, theo đề án 32/2010/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển nghề CTXH ở Việt Nam giai đoạn 2010-2020.

* TS, Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. Một số nhận xét chung về nhu cầu hoạt động Công tác xã hội tại Việt Nam

Khi Việt Nam chính thức có mặt trong nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình¹, đã có rất nhiều những thay đổi quan trọng trong hệ thống chính sách về an sinh xã hội. Những chính sách này tiếp tục tập trung chủ yếu vào việc tăng cường các cơ hội tiếp cận với các nguồn lực, cải thiện đời sống các nhóm yếu thế trong xã hội với những chuẩn mực của một quốc gia có thu nhập trung bình. Có thể nói những thay đổi quan trọng ở tầm vĩ mô về các chính sách xã hội đã và đang tạo ra những điều kiện hết sức quan trọng cho sự phát triển mạnh mẽ của hàng loạt các lĩnh vực, dịch vụ có liên quan trực tiếp tới việc thực thi các chính sách này, trong đó có nghề CTXH. Tại Hội thảo Quốc gia về Phát triển nghề CTXH tháng 11/2009 tại Đà Nẵng, cam kết phát triển Nghề CTXH theo hướng chuyên nghiệp tại Việt Nam đã được thể hiện mạnh mẽ bằng việc các tổ chức quốc tế cũng như các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức trong nước đồng thuận đưa ra “Tuyên bố Hợp tác về Phát triển nghề CTXH tại Việt Nam”, khoảng 5 tháng sau CTXH đã chính thức được thừa nhận là một nghề tại Việt Nam với sự ra đời của Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển nghề CTXH ở Việt Nam giai đoạn 2010-2020.

Nhu cầu về CTXH tại Việt Nam có nhiều đặc trưng khác biệt so với nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó các hoạt động CTXH liên quan tới việc trợ giúp xã hội, thực hiện các chính sách an sinh xã hội là rất nổi bật. Một điểm đáng chú ý là trong bối cảnh xã hội có nhiều thay đổi, nhu cầu của xã hội đối với CTXH Việt Nam cũng đang thay đổi theo, đặc biệt là những yêu cầu về phát triển nghề CTXH một cách chuyên nghiệp. Theo Thông cáo báo chí, được in tại Kỷ yếu Hội thảo quốc gia phát triển nghề CTXH, NXB Thống kê năm 2009, trang 14, đã nêu rõ: “cán bộ CTXH cần phải có những kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cần thiết để đáp ứng một cách hiệu quả và hợp lý nhu cầu của những người dễ bị tổn thương như trẻ em và các gia đình. Một hệ thống CTXH toàn diện cần có nhân sự có trình độ đại học và sau đại học, cũng như lực lượng cán bộ bán chuyên trách, đã qua đào tạo ngắn hạn và trung hạn”.

CTXH có một lịch sử phát triển đa dạng trên toàn cầu nhưng điểm chung, căn bản nhất trong quá trình phát triển đó chính là con đường tất yếu phải đi lên chuyên nghiệp. Bất kể vì những nguyên nhân nào dẫn tới sự ra đời của CTXH thì cuối cùng cũng đều đặt ra yêu cầu tất yếu về một sự can thiệp, hỗ trợ mang tính chuyên nghiệp.

Đối tượng cần được hỗ trợ của CTXH chuyên nghiệp có thể là cá nhân, gia đình, nhóm, thậm chí cộng đồng. Mặt khác, những đối tượng này là những người cần được giúp đỡ, hỗ trợ cho dù có thể họ không phải thuộc nhóm yếu thế trong xã hội. Tại Việt Nam có thể chỉ ra một số các nhóm đối tượng cơ bản liên quan tới hoạt động của CTXH như: trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người khuyết tật, người già, người nhiễm HIV/AIDS, người nghèo, người có nhu cầu trợ giúp pháp lý...

Việt Nam hiện có khoảng 8 triệu người cao tuổi, và mặc dù đang bước vào thời kỳ

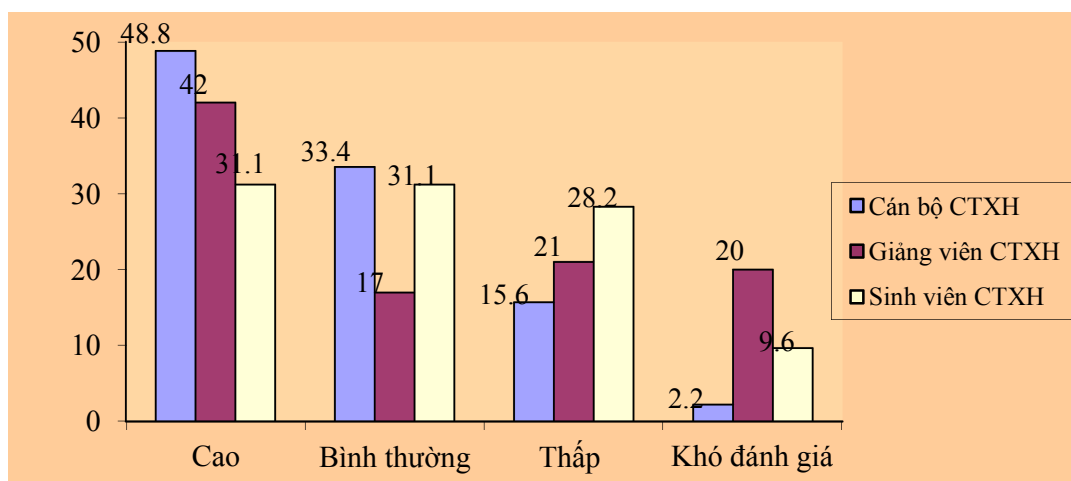
¹ Từ năm 2009, thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam đã chính thức đạt mốc của một quốc gia có thu nhập trung bình theo chuẩn của Ngân hàng Thế giới là 995USD/người/năm

dân số vàng, nhưng xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam cũng được thể hiện ngày một rõ rệt hơn². Bên cạnh đó Việt Nam có khoảng hơn 5 triệu người tàn tật, khoảng 1,4 triệu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, 1,3 triệu đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hưởng trợ cấp của Nhà nước. Về tệ nạn xã hội và bệnh tật, cả nước hiện có khoảng 15.000 gái bán dâm, gần 170.000 người nghiện ma túy và có khoảng hơn 180.000 người nhiễm HIV đã được phát hiện. Về các khía cạnh khác như các vấn đề gia đình, ly hôn... cũng có rất nhiều những con số đáng quan tâm. Theo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Việt Nam có khoảng 22% gia đình có bạo lực và 21,1% phụ nữ bị bạo hành với những mức độ khác nhau... (Đề án Phát triển Nghề CTXH tại Việt Nam), cùng với đó là hàng triệu những người có những vấn đề khác nhau cần được hỗ trợ, để thích nghi, hòa nhập và giải quyết những khó khăn nảy sinh từ cuộc sống. Với rất nhiều những vấn đề xã hội đang đặt ra, nhu cầu về một đội ngũ CTXH đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng là hết sức cần thiết đối với Việt Nam:

Sự phát triển của CTXH đóng vai trò quan trọng trong bối cảnh hiện tại của Việt Nam. Với sự phát triển của CTXH, Việt Nam có thể giải quyết hiệu quả vấn đề nghèo đói, các vấn đề xã hội, công bằng, bất bình đẳng xã hội và những vấn đề ngày càng phức tạp khác mà Việt Nam đang phải đối mặt. Nhu cầu cấp thiết đang được đặt ra để CTXH được công nhận là một nghề; trong các cơ quan tổ chức cần có những vị trí CTXH chuyên trách và có mã số công việc cụ thể, cũng như hệ thống các dịch vụ CTXH.

(Nguyễn Thị Kim Ngân, 2009)

Biểu đồ 1: Đánh giá nhu cầu của xã hội đối với hoạt động CTXH (%)



Số liệu trên biểu đồ từ kết quả khảo sát của đề tài cho thấy tất cả các nhóm đối tượng có liên quan (cán bộ làm CTXH, giảng viên, sinh viên) đều cho rằng hiện nay Việt Nam đang có nhu cầu cao về hoạt động CTXH. Tuy nhiên, giữa các nhóm đối tượng cũng có những khác biệt nhất định, nhóm cán bộ làm CTXH chính là những người đánh giá về nhu

² Xem thêm Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam 2009, *Các kết quả chủ yếu*, Nxb Thống kê (2010)

cầu của xã hội đối với hoạt động CTXH cao nhất, thấp nhất ở ý kiến này là sinh viên. Sự khác biệt này cũng tương đối dễ hiểu bởi bản thân việc định hướng nghề nghiệp trước và trong các cơ sở đào tạo hiện nay của ngành CTXH nói riêng và nhiều ngành khác còn hạn chế, dẫn tới tình trạng bản thân người học chưa hình dung được cụ thể về nghề nghiệp cũng như nhu cầu xã hội đối với nghề nghiệp mình đang theo học. Những nhược điểm này sẽ sớm được khắc phục trong thời gian tới, ít nhất là với ngành CTXH, khi trong Đề án phát triển nghề CTXH sẽ có những hợp phần quan trọng về truyền thông nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức của xã hội đối với nghề CTXH, đây cũng là một trong những giải pháp được nhiều nhà quản lý, các chuyên gia quốc tế, chuyên gia trong nước đề xuất để phát triển CTXH Việt Nam theo hướng chuyên nghiệp: *“Nâng cao nhận thức về CTXH chuyên nghiệp ở Việt Nam, phổ biến tuyên truyền rộng rãi về vai trò, vị trí của CTXH chuyên nghiệp trong việc can thiệp giải quyết các vấn đề của các đối tượng và xã hội. Việc nhận thức này phải được tiến hành ở các cấp, các ngành và tới mọi người dân”* (Nguyễn Duy Thăng, 2009).

Ngoài việc chính thức công nhận CTXH với tư cách một nghề nghiệp, Quyết định phê duyệt đề án phát triển nghề CTXH của Thủ tướng Chính phủ còn là một bản chiến lược quy hoạch phát triển ngành CTXH. Trong đó, xác định khá nhiều các lĩnh vực cụ thể khác nhau mà nhân viên CTXH có thể tham gia như: Bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, Hỗ trợ, giúp đỡ các gia đình có vấn đề, mâu thuẫn, khủng hoảng, lĩnh vực tư pháp với người chưa thành niên, lĩnh vực sức khỏe, bao gồm cả sức khỏe tâm thần, bảo trợ xã hội cho người tàn tật, phát triển cộng đồng, CTXH trong các cơ sở giáo dục...

Thực tế hiện nay, chưa có một thống kê chính thức về nhu cầu cũng như định hướng đào tạo, phân bổ chi tiết nhân lực CTXH theo từng ngành, hay từng lĩnh vực kể trên, tuy nhiên, những phân tích cụ thể dưới đây về nhu cầu đối với các hoạt động CTXH trên một số các lĩnh vực cũng như với một số nhóm đối tượng sẽ góp phần làm rõ hơn thực trạng nhu cầu về hoạt động CTXH chuyên nghiệp hiện nay ở Việt Nam.

2. Nhu cầu hoạt động CTXH trong lĩnh vực giảm nghèo

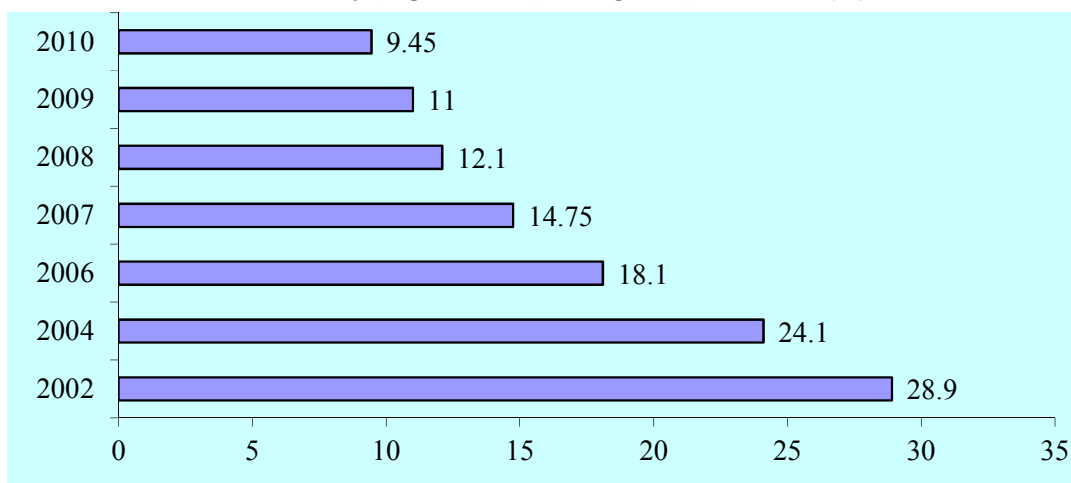
Trong những năm qua, thành tựu trong lĩnh vực giảm nghèo của Việt Nam luôn được đưa ra làm ví dụ điển hình cho nỗ lực giảm nghèo trên phạm vi toàn cầu. Từ năm 1993 đến năm 2010, Việt Nam đã 6 lần thay đổi chuẩn nghèo, kết thúc giai đoạn tăng trưởng 10 năm đầu cho mục tiêu trở thành một quốc gia công nghiệp, Việt Nam đã chính thức trở thành một quốc gia có thu nhập trung bình. Cơ sở của những thành công này chính là nền tảng đa dạng và vững chắc của hệ thống chính sách giảm nghèo với rất nhiều những hoạt động hướng đến sự hỗ trợ toàn diện cho người nghèo.

Như vậy, chỉ sau gần 10 năm tỷ lệ nghèo của Việt Nam đã giảm tới gần 20%, điều đáng nói là trong giai đoạn 2001-2010, Việt Nam đã có 2 lần thay đổi chuẩn nghèo³. Theo

³ Theo Quyết định số 143/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn nghèo giai đoạn 2001-2005, chuẩn nghèo ở khu vực thành thị là 150,000 đ/người/tháng, nông thôn là 100,000 đồng/người/tháng. Theo quyết định số 170/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn nghèo giai đoạn 2006-2010 thay thế Quyết định số 143/2001/QĐ-TTg chuẩn nghèo ở khu vực thành thị là 260,000 đ/người/tháng, nông thôn là 200,000 đồng/người/tháng.

Bộ LĐTB&XH, năm 2004 cả nước chỉ có 2 tỉnh, thành phố không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn quốc gia, đến năm 2009 đã có 5 tỉnh, thành phố không còn hộ nghèo theo chuẩn này. Số lượng các tỉnh, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo dưới 5% giảm từ 18 tỉnh năm 2004 xuống 15 tỉnh vào năm 2009.

Biểu đồ 2: Tỷ lệ nghèo của Việt Nam giai đoạn 2001-2010 (%)



Nguồn: BLĐTB&XH, số liệu 2010 là ước tính.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu nổi bật, lĩnh vực giảm nghèo của Việt Nam trong nhiều năm qua vẫn tồn tại “dai dẳng” nhiều hạn chế, đặc biệt là tính bền vững. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra sự ỷ lại, trông chờ của người dân vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước đang khiến cho hiệu quả của hệ thống chính sách giảm nghèo bị ảnh hưởng đáng kể. Bên cạnh đó, nhiều tổ chức quốc tế cho rằng quá trình tăng trưởng, giảm nghèo của Việt Nam cũng cần phải tiếp tục hướng đến mục tiêu đảm bảo sự công bằng trong việc thụ hưởng các chính sách xã hội quan trọng này. Duy trì được đà tăng trưởng kinh tế hiện nay là điều kiện cần nhưng chưa đủ. Tăng trưởng phải đi liền với bình đẳng và phải mang lại lợi ích cho tất cả các vùng và các nhóm dân cư trong nước. Phần đông người nghèo ở Việt Nam sống trong hoàn cảnh bị tách biệt về mặt địa lý, dân tộc, ngôn ngữ, xã hội và kinh tế. Kinh nghiệm của các nước khác cho thấy, lợi ích thực sự của tăng trưởng kinh tế ít đến được với các nhóm người chịu thiệt thòi này.

Hiện tại các chương trình giảm nghèo lớn của Việt Nam đang được thiết kế theo hướng dựa trên nhu cầu và năng lực của chính các cộng đồng, các địa phương, điển hình như chương trình 30a (Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo). Tuy nhiên, để các địa phương cũng như cộng đồng tự nhận thấy và khơi dậy được năng lực của mình, tự tìm các giải pháp để vươn lên thoát nghèo bền vững lại là điều không đơn giản, đặc biệt khi có một bộ phận người nghèo đã quen sống dựa vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Do vậy, vai trò của các cán bộ CTXH là hết sức quan trọng với các lĩnh vực giảm nghèo, bởi bản thân các cán bộ CTXH không phải là người làm thay cho người nghèo mà là những người giúp bản thân

người nghèo nhận ra và phát huy tốt nhất năng lực của mình cũng như gia đình để từ đó vươn lên thoát nghèo bền vững. Đây cũng là mục tiêu mà hầu hết các chương trình giảm nghèo hiện nay đang hướng đến.

Sau khi chuẩn nghèo mới được áp dụng từ năm 2011, Việt Nam còn khoảng trên 3 triệu hộ nghèo, như vậy số lượng người nghèo cần sự giúp đỡ, hỗ trợ từ các chính sách của Nhà nước nói chung và từ các cán bộ CTXH nói riêng là rất lớn, đặc biệt là tại cấp cơ sở vì đây là những cán bộ gần gũi nhất với đời sống của người nghèo. Đối với các hoạt động CTXH liên quan tới vấn đề giảm nghèo có thể kể ra một số các lĩnh vực sau: (i) hỗ trợ người nghèo trong việc tiếp cận và thụ hưởng các chính sách của Nhà nước, (ii) tăng cường năng lực tự thoát nghèo của người nghèo, (iii) hỗ trợ người nghèo trong việc mở rộng các mạng lưới xã hội để thoát nghèo, (iv) hỗ trợ các công tác, chương trình giảm nghèo của các cấp chính quyền...

Năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo cũng là một thách thức quan trọng đối với hệ thống chính sách giảm nghèo hiện nay của Việt Nam. Thực tế, chỉ với một cán bộ cấp cơ sở làm việc trong lĩnh vực lao động, thương binh xã hội vốn đã quá nhiều việc lại đảm nhận thêm các công việc giảm nghèo đang đặt ra nhiều vấn đề về tính hiệu quả. Chính vì thế, khi Chính phủ quyết định phát triển nghề CTXH theo hướng chuyên nghiệp ở Việt Nam, việc bố trí cán bộ CTXH tham gia thực hiện các chính sách, chương trình giảm nghèo là hết sức cần thiết, chú trọng vào mục tiêu cải thiện ý thức thoát nghèo, giúp người nghèo tự lực vươn lên thoát nghèo bền vững.

3. Nhu cầu hoạt động CTXH trong lĩnh vực chăm sóc trẻ em

Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên ký Công ước quốc tế về quyền trẻ em (năm 1991), cùng với việc ký và thực hiện Công ước này cho đến nay hệ thống chính sách về chăm sóc, giáo dục trẻ em của Việt Nam đã tương đối hoàn thiện nhằm bảo đảm các quyền quan trọng của trẻ em: có quyền sinh tồn, quyền phát triển toàn diện, quyền được bảo vệ khỏi những tác động có hại, lạm dụng và bóc lột, quyền tham gia đầy đủ vào các hoạt động trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

Do trẻ em là đối tượng dễ bị tổn thương, vì thế, một trong những điểm mấu chốt trong nguyên tắc chăm sóc, giáo dục trẻ em chính là các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các yếu tố ảnh hưởng, tác hại đối với trẻ em. Đây cũng là một trong những đặc điểm quan trọng của nghề CTXH chuyên nghiệp:

Trong công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em phải coi trọng việc phòng ngừa, ngăn chặn trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; kịp thời giải quyết, giảm nhẹ hoàn cảnh đặc biệt của trẻ em; kiên trì trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt phục hồi sức khỏe, tinh thần và giáo dục đạo đức, phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi để trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

(Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Điều 41)

Theo thống kê của Bộ LĐTB&XH cả nước hiện có khoảng 1,4 triệu trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Rất nhiều trẻ em có đủ điều kiện về vật chất nhưng lại rất thiếu thốn về mặt tinh thần do những thiếu hụt, sao nhãng các chức năng trong gia đình. Mặt khác,

không ít trẻ em lại đang phải đối mặt với nguy cơ không thể hoà nhập được với xã hội, tự kỷ... rất nhiều những khó khăn liên quan tới tâm sinh lý lứa tuổi, cũng như khả năng đáp ứng các nhu cầu của bản thân. Như vậy, nhu cầu về hoạt động CTXH đối với trẻ em không chỉ giới hạn ở những nhóm trẻ em có sự khó khăn, thiệt thòi về điều kiện vật chất, hay thể chất mà còn cả với những trẻ em gặp khó khăn về tinh thần. Mặt khác, do trẻ em là đối tượng đặc biệt nên cán bộ làm CTXH với trẻ em cũng cần phải đảm bảo đầy đủ các nguyên tắc trong việc bảo vệ trẻ em, đặc biệt chú trọng tới công tác phòng ngừa, loại bỏ sớm các yếu tố, nguy cơ ảnh hưởng tới sự phát triển toàn diện của trẻ em.

4. Nhu cầu về hoạt động CTXH với người cao tuổi

Cũng như người nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người cao tuổi là một trong những đối tượng quan trọng cần trợ giúp của CTXH ở hầu hết các quốc gia trên thế giới hiện nay.

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và Nhà ở năm 2009, tỷ lệ người cao tuổi hiện tại của Việt Nam chiếm khoảng 9% dân số và sẽ tiếp tục tăng nhanh trong giai đoạn tới, đây là điều dễ hiểu khi tốc độ già hóa¹ dân số của Việt Nam tiếp tục tăng mạnh trong những thập kỷ gần đây. Năm 1979, Việt Nam mới chỉ có 3,71 triệu người cao tuổi, đến năm 1989 con số này là 4,64. Tuy nhiên, đến năm 2009 số người cao tuổi ở Việt Nam đã tăng lên 7,73 triệu người.

Bảng 2: Cơ cấu tuổi dân số Việt Nam, 1979-2009

Năm	Số người (triệu người)				Tỷ lệ (% tổng dân số)		
	Tổng	0-14	15-59	60+	0-14	15-59	60+
1979	53,74	23,40	26,63	3,71	41,8	51,3	6,9
1989	64,38	24,98	34,76	4,64	39,2	53,6	7,2
1999	76,33	25,56	44,58	6,19	33,0	58,9	8,1
2009	85,85	21,03	57,09	7,73	24,5	66,5	9,0

Nguồn: Tổng điều tra dân số 1979, 1989, 1999, 2009.

Theo dự báo đến năm 2025 sẽ có 18,8% dân số Việt Nam là người già, đến năm 2050 sẽ có khoảng gần 30% dân số Việt Nam trên 60 tuổi. Với một quốc gia có tỷ lệ dân số già hóa cao ngoài những thay đổi quan trọng về hệ thống chính sách hưu trí, Việt Nam còn cần đến một loạt các chính sách hỗ trợ khác để chăm sóc cho nhóm đối tượng này, đặc biệt khi xu hướng người cao tuổi không chung sống với con cái đang ngày càng phổ biến tại nhiều gia đình Việt. Theo Nguyễn Thị Lan (2009), Chánh Văn phòng Ủy ban quốc gia Người cao tuổi Việt Nam, người cao tuổi cần đến những hỗ trợ liên quan tới những vấn đề sau: vấn đề sức khỏe: giảm sút sức khỏe, bệnh tật, ốm đau... khám chữa

¹ Già hóa dân số là khái niệm dùng để chỉ dân số của một quốc gia khi có tỷ lệ 10% dân số từ 60 tuổi trở lên hoặc có khoảng 7% dân số từ 65 tuổi trở lên.

bệnh; vấn đề sức khỏe tâm thần: tình cảm, giao tiếp, quan hệ gia đình và xã hội; vấn đề đời sống vật chất: nghèo đói, không bảo hiểm, không nơi nương tựa, vấn đề tham gia giao thông, vấn đề làm việc, tự đảm bảo hoặc trợ giúp con cháu, vấn đề nuôi cháu thay cha mẹ trẻ do các nguyên nhân khác nhau, vấn đề góa bụa, cô đơn, buồn chán...

Như vậy, về mặt số lượng sẽ có hàng triệu người cao tuổi cần đến những sự hỗ trợ, trợ giúp xã hội trong khi đó về mặt lĩnh vực và nhu cầu trợ giúp lại rất đa dạng và dường như lĩnh vực nào cũng rất quan trọng. Rõ ràng cần phải có một đội ngũ cán bộ CTXH chuyên nghiệp, đông đảo, được đào tạo bài bản, đặc biệt đội ngũ này nên được đào tạo cả về y tế, tâm sinh lý của người cao tuổi thì mới có thể đáp ứng được nhu cầu chăm sóc, hỗ trợ chuyên nghiệp dành cho người cao tuổi.

5. Nhu cầu về hoạt động CTXH đối với thanh niên

Nhiều người cho rằng, CTXH đối với thanh niên chỉ tập trung chủ yếu ở lĩnh vực hỗ trợ phòng ngừa đối với các loại tệ nạn xã hội khi mà có tới 75% số người mắc tệ nạn xã hội thuộc nhóm đối tượng này (Nguyễn Trọng Tiến, 2009). Trên thực tế, CTXH với thanh niên đa dạng hơn rất nhiều, do chính những nhu cầu cần được hỗ trợ của lực lượng này. Một điểm quan trọng khác, giống như CTXH trong lĩnh vực giáo dục hay y tế, CTXH đối với thanh niên cũng đòi hỏi một sự gắn kết chặt chẽ giữa những cán bộ CTXH với vai trò và hoạt động của Đoàn thanh niên, thậm chí chính những cán bộ Đoàn thanh niên sẽ là những nhân viên CTXH phù hợp nhất với nhóm đối tượng thanh niên nếu như họ được đào tạo một cách bài bản. Thực tế, khi chưa có nghề CTXH chuyên nghiệp bản thân Đoàn thanh niên cũng có rất nhiều các hoạt động xã hội, hỗ trợ, trợ giúp các thành viên của mình mà trong số đó có nhiều hoạt động gần gũi với những công việc của nghề CTXH như thanh niên tình nguyện, hiến máu nhân đạo, hướng nghiệp dạy nghề... Tại thành phố Hồ Chí Minh, Huế..., các tổ chức Đoàn thanh niên còn thành lập các Trung tâm CTXH hoạt động trên nhiều lĩnh vực khác nhau để bổ sung cho công tác Đoàn và phong trào thanh niên.

Ngoài một bộ phận thanh niên mắc phải các tệ nạn xã hội... cần được hỗ trợ, có một bộ phận đông đảo lực lượng thanh niên cũng cần đến những hỗ trợ chuyên nghiệp của CTXH trong các lĩnh vực như: học tập, định hướng, lựa chọn nghề nghiệp, hoà nhập xã hội... Tại rất nhiều các quốc gia hiện nay, dưới sức ép của quá trình phát triển, có một bộ phận không nhỏ thanh niên rơi vào tình trạng mất khả năng hòa nhập với xã hội. Đây cũng chính là một trong những lý do quan trọng khiến nhóm thanh niên này có thể dễ mắc các tệ nạn xã hội và khi đó gánh nặng đối với gia đình, xã hội cũng như hậu quả với chính bản thân nhóm thanh niên sẽ nặng nề hơn rất nhiều. Đối với nhóm đối tượng này, cán bộ CTXH cần phải tìm hiểu và nắm rõ được đặc điểm tâm sinh lý, nhu cầu và các yếu tố tác động tới hành vi của thanh niên để từ đó đưa ra được các giải pháp phù hợp nhất.

Đối với vấn đề việc làm, cán bộ CTXH là người đóng vai trò hỗ trợ, định hướng lựa chọn nghề nghiệp cho thanh niên, trước hết là lựa chọn ngành, lĩnh vực học tập phù hợp nhất với khả năng của mình. Theo các kết quả nghiên cứu về lao động, việc làm tại Việt Nam nhóm đối tượng thất nghiệp cao nhất chính là thanh niên. Tỷ lệ thanh niên thất nghiệp cao phản ánh một thực tế trình độ chuyên môn kỹ thuật của thanh niên còn hạn chế, cũng như việc định hướng, lựa chọn nghề nghiệp chưa thực sự phù hợp. Hai vấn đề

này có thể giải quyết được tốt hơn nếu có sự hỗ trợ tích cực từ phía các nhân viên CTXH chuyên nghiệp.

Thanh niên là một lực lượng đông đảo (chiếm 19,4% tổng số dân năm 2009), do đó số lượng thanh niên cần sự hỗ trợ từ các hoạt động CTXH chuyên nghiệp là rất lớn. Trong trường hợp gắn các hoạt động CTXH với các hoạt động của Đoàn thanh niên thì khả năng phát huy tối đa hiệu quả hỗ trợ là rất khả quan. Do đó, để đẩy mạnh hoạt động CTXH đối với nhóm thanh niên cần phải chú trọng lồng ghép vào các sinh hoạt, hoạt động đoàn thể, đào tạo bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn về CTXH đối với các đoàn viên thanh niên.

6. Nhu cầu về hoạt động CTXH trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý

Trong quản lý xã hội vai trò của hệ thống pháp luật hết sức quan trọng, đòi hỏi mỗi người dân cần phải nắm rõ về quyền và nghĩa vụ của mình trước pháp luật, từ đó có những ứng xử phù hợp nhất trong khuôn khổ luật pháp quy định. Tuy nhiên bản thân hệ thống pháp luật vốn rất đa dạng và phong phú, do vậy để có thể biết được quyền và nghĩa vụ của mình công dân cần dựa vào nhiều cơ quan, tổ chức khác nhau trong đó có hệ thống luật sư. Tại các nước phát triển, người dân thường có luật sư riêng để bảo vệ quyền lợi của mình. Tại Việt Nam, số lượng luật sư còn khá thấp so với tỷ lệ dân số. Mặt khác, với những nhóm đối tượng đặc thù, đặc biệt là trẻ em, thông thường ngoài luật sư thường có đại diện là các cán bộ CTXH đứng ra bảo vệ quyền lợi trước pháp luật.

Hiện nay tình trạng thanh thiếu niên vi phạm pháp luật đang ngày càng phổ biến ở cả quy mô lẫn mức độ vi phạm, điều này đặt ra những yêu cầu bức thiết trong việc phát triển mạng lưới cán bộ CTXH có năng lực về trợ giúp pháp lý. Cán bộ CTXH hoạt động trong lĩnh vực này cần hỗ trợ, giúp đỡ giới trẻ khắc phục những thiếu hụt về kỹ năng sống, cũng như sự thiếu hụt về tâm lý, tình cảm, sự thiếu hiểu biết về pháp luật, đời sống xã hội: *“Thống kê chưa đầy đủ từ năm 2005 đến 2008, có hơn 8.000 trường hợp học sinh, sinh viên vi phạm pháp luật hình sự với nhiều hành vi: đánh nhau gây rối trật tự công cộng, cướp tài sản, xâm hại sức khỏe, tính mạng cho đến tội phạm ma túy, giết người”...* (Thanh Hà, 2010)

Đối với lĩnh vực trợ giúp pháp lý, cán bộ CTXH có thể hỗ trợ thân chủ của mình ở rất nhiều các khía cạnh khác nhau như: hỗ trợ thân chủ nâng cao hiểu biết về quyền và nghĩa vụ của mình trước pháp luật, đặc biệt là khi xảy ra các vấn đề có liên quan tới pháp luật, hỗ trợ thân chủ viết đơn tố cáo trong trường hợp là người bị hại theo đúng quy định và trình tự pháp luật hoặc có mặt bên thân chủ khi các cơ quan pháp luật tổ chức lấy lời khai đối với người phạm tội, người bị hại... để giảm thiểu sai sót với quá trình này. Bên cạnh đó, cán bộ CTXH tham gia hỗ trợ pháp lý cho thân chủ cũng có mặt tại các phiên tòa liên quan tới thân chủ để có thể bảo vệ quyền lợi cho thân chủ của mình. Sự có mặt và hỗ trợ về pháp lý của cán bộ CTXH trong những tình huống nói trên không chỉ giúp thân chủ được bảo vệ theo đúng pháp luật, mà còn giúp nâng cao hiểu biết về pháp luật cho chính các thân chủ và gia đình họ.

Cán bộ CTXH hoạt động trong lĩnh vực trợ giúp tư pháp cũng là cầu nối hữu hiệu giữa thân chủ và các cơ quan thi hành pháp luật. Nhờ vào sự hiểu biết của cán bộ CTXH

về pháp luật thân chủ không những được đảm bảo về quyền và nghĩa vụ trước pháp luật mà các cán bộ CTXH có thể trở thành những người thuyết phục, động viên người vi phạm pháp luật tự thú để hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Cán bộ CTXH cũng có thể tư vấn cho các cơ quan pháp luật cách thức thi hành pháp luật phù hợp nhất với người vi phạm pháp luật do có sự hiểu biết về tính cách, thói quen của thân chủ từ đó giúp thân chủ có thể hiểu rõ về pháp luật, thi hành án tốt, tái hòa nhập cộng đồng có hiệu quả cũng như giảm thiểu các nguy cơ vi phạm pháp luật.

Để có thể thực hiện tốt các nhiệm vụ về trợ giúp pháp lý đòi hỏi các cán bộ CTXH cần phải được đào tạo bài bản về chuyên môn, nghiệp vụ cũng như có sự am hiểu sâu sắc về hệ thống chính sách pháp luật từ đó có thể đưa ra được những ý kiến tham vấn phù hợp nhất với thân chủ. Các cán bộ CTXH hoạt động trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý cần phải thường xuyên giữ liên hệ với các cơ quan thực thi pháp luật để có thể cập nhật và hiểu rõ các vấn đề có liên quan và sẵn sàng hỗ trợ thân chủ trong mọi tình huống.

7. Nhu cầu về hoạt động CTXH trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe

Theo WHO: “Sức khỏe là trạng thái thoải mái toàn diện về **thể chất**, tinh thần và xã hội và không phải chỉ bao gồm có tình trạng không có bệnh hay thương tật”. Như vậy, bản thân khái niệm sức khỏe là rất rộng, cũng có nghĩa CTXH trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe cũng là một lĩnh vực có nhu cầu lớn và rất đa dạng. Thực tế, CTXH và các vấn đề y tế, chăm sóc sức khỏe có mối liên hệ rất mật thiết với nhau và tại nhiều quốc gia trên thế giới CTXH ra đời và phát triển theo hướng chuyên nghiệp xuất phát chính từ những nhu cầu về y tế và chăm sóc sức khỏe.

Một trong những yêu cầu bắt buộc đối với các nhân viên CTXH hoạt động trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe chính là sự hiểu biết, kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực y tế, đặc biệt là các vấn đề về tình trạng bệnh lý, sinh lý, nhu cầu, hoàn cảnh của bệnh nhân để từ đó có những hoạt động hỗ trợ can thiệp phù hợp nhất. Theo TS. Đàm Viết Cương (2009), CTXH có thể tham gia thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe và y tế như sau: (i) chăm sóc sức khỏe tại bệnh viện, (ii) chăm sóc sức khỏe tại gia đình và cộng đồng và (iii) tham gia vào các vấn đề về hoạch định chính sách chăm sóc sức khỏe. Do đó, căn cứ vào sự tham gia của CTXH đối với việc chăm sóc sức khỏe và y tế, có thể chỉ ra vai trò của CTXH đối với lĩnh vực này như sau: (i) xây dựng chính sách, lập kế hoạch, (ii) trị liệu (CTXH trong bệnh viện và (iii) hậu trị liệu và phòng ngừa (CTXH trong cộng đồng). Trong số 3 lĩnh vực kể trên có thể nhìn thấy rất rõ nhu cầu về nhân viên CTXH tại lĩnh vực số (ii) và số (iii).

Như vậy tổng số cơ sở khám, chữa bệnh ở nước ta hiện nay rất lớn, (chưa kể cơ sở tư nhân). Nếu mỗi cơ sở khám, chữa bệnh hiện nay chỉ cần 1-2 nhân viên CTXH cũng có nghĩa số lượng nhân viên CTXH tại các cơ sở khám chữa bệnh của Việt Nam đã lên tới con số hàng chục nghìn người, trong trường hợp chỉ tập trung tại các bệnh viện, phòng khám đa khoa và bệnh viện điều dưỡng con số cũng là hàng nghìn nhân viên. Hiện nay tại các bệnh viện hầu như không có các hoạt động nào khác ngoài các hoạt động về chuyên môn: “*tại các bệnh viện ở tất cả các tuyến của khu vực công lập cũng như ngoài công*

lập, hoạt động khám, chữa bệnh mới chỉ được thực hiện bởi các nhân viên có trình độ chuyên môn về y. Các biện pháp trị liệu về xã hội chưa được quan tâm” (Đàm Viết Cường, 2009). Thực tế này do tại các bệnh viện, đặc biệt là bệnh viện tuyến Trung ương thường xuyên bị rơi vào tình trạng quá tải, do đó, ngoài việc nỗ lực để đảm bảo các yêu cầu chuyên môn, việc hỗ trợ, giúp đỡ, đáp ứng các nhu cầu khác nhau của bệnh nhân hầu như không thể thực hiện được. Tại một số bệnh viện hiện nay đã và đang duy trì một số các hoạt động hỗ trợ người bệnh của các tổ chức, cá nhân ngoài cộng đồng, nhưng thông thường các hoạt động này chỉ dừng lại ở việc đáp ứng “phần nào” nhu cầu vật chất của một số bệnh nhân nghèo thông qua hình thức từ thiện. Các mô hình này tuy hoạt động có hiệu quả nhưng lại có quy mô nhỏ, hoạt động không bền vững và giới hạn về khả năng cung cấp các dịch vụ, hình thức hỗ trợ. Ở một khía cạnh khác, việc trợ giúp, giải quyết các nhu cầu của người bệnh cũng là một giải pháp quan trọng để nâng cao khả năng phục vụ của các bệnh viện nói chung cũng như đội ngũ y, bác sĩ nói riêng... Khi các bệnh viện có sự phục vụ chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ CTXH, tất cả các bên liên quan như bệnh viện, đội ngũ cán bộ y tế, đặc biệt là người bệnh và gia đình người bệnh đều có lợi.

Bảng 3: Số lượng cơ sở khám, chữa bệnh, số giường bệnh tại các cơ sở công lập tại Việt Nam năm 2009

Đơn vị	Số lượng	Số giường bệnh (nghìn giường)
Bệnh viện	1002	163,9
Phòng khám đa khoa khu vực	682	8,1
Bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng	43	4,9
Trạm y tế xã, phường	10979	49,4
Trạm y tế của cơ quan, xí nghiệp	710	5,0
Cơ sở khác	34	1,6
Tổng số	13450	232,9

Nguồn: TCTK, số liệu tính đến năm 2009

Nhằm đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật, xã hội hóa để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, ngày 3 tháng 6 năm 2008, Quốc hội khóa XII đã thông qua Nghị quyết số 18/2008/NQ-QH12 trong đó quy định dành ít nhất 30% ngân sách y tế cho y tế dự phòng. Việc tăng tỷ lệ chi ngân sách y tế cho y tế dự phòng sẽ góp phần quan trọng vào việc cải thiện và chăm sóc sức khỏe nhân dân ngay tại cơ sở, cộng đồng. Điều này hoàn toàn phù hợp với phương châm phòng bệnh hơn chữa bệnh. Bên cạnh đó, hiện nay trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe Việt Nam cũng đang triển khai hàng loạt các chương trình, dự án có liên quan dựa vào cộng đồng. Với những chương trình này, ngoài sự nỗ lực của các cấp chính quyền chắc chắn cần phải có sự tham gia của những cán bộ CTXH, những người được đào tạo không chỉ có chuyên môn về y tế mà còn có năng lực trong việc kết nối và phát huy khả năng của cộng đồng.

Như vậy, CTXH trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và y tế không chỉ có nhu cầu cao về số lượng mà còn đặt ra những yêu cầu khá cao về trình độ chuyên môn. Do đó, việc đào tạo nhân viên CTXH đối với nhóm làm việc trong lĩnh vực này cũng cần phải được kết hợp chặt chẽ giữa chuyên môn CTXH và những tri thức nhất định về y tế, thiếu một trong hai điều kiện trên đều không thể trở thành một cán bộ CTXH chuyên nghiệp trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe.

8. Nhu cầu hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực CTXH

Nhu cầu về đào tạo nhân lực CTXH đang là một trong những vấn đề mấu chốt cần phải giải quyết để đảm bảo thành công việc tiến lên chuyên nghiệp của nghề CTXH tại Việt Nam. Thực tế cho thấy, với một số lượng nhân lực CTXH vừa thiếu lại vừa yếu vai trò của hoạt động đào tạo CTXH chuyên nghiệp là rất lớn. Tại đề án phát triển nghề CTXH giai đoạn 2010-2020 mà Chính phủ phê duyệt các hoạt động đào tạo, đào tạo lại, tập huấn nâng cao năng lực là điều kiện then chốt để đảm bảo cho Việt Nam có thể hoàn thành mục tiêu: “*Phát triển CTXH trở thành một nghề ở Việt Nam. Nâng cao nhận thức của toàn xã hội về nghề CTXH; xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên và cộng tác viên CTXH đủ về số lượng, đạt yêu cầu về chất lượng gắn với phát triển hệ thống cơ sở cung cấp dịch vụ CTXH tại các cấp, góp phần xây dựng hệ thống an sinh xã hội tiên tiến*”.

Để đảm bảo đủ số lượng nhân viên CTXH (60.000 người) đến năm 2020 mỗi năm từ 2010-2020 các cơ sở đào tạo sẽ phải đảm bảo nhu cầu cung cấp ra thị trường lao động bình quân 3.500 người/năm ở tất cả các trình độ sơ cấp, trung cấp, CĐ và ĐH. Trong khi đó, theo thống kê từ Bộ GD&ĐT, con số sinh viên tốt nghiệp CĐ và ĐH chuyên ngành CTXH còn quá ít cho dù tính tới năm học 2008-2009 đã có khoảng gần 40 trường ĐH và CĐ đào tạo về CTXH:

Ước tính số sinh viên tốt nghiệp CTXH ở các ĐH và CĐ đến nay có khoảng 4.000 người. Như vậy, đối chiếu với số lượng nguồn nhân lực cần có và theo tiến độ đào tạo khoảng 2.000 sinh viên tốt nghiệp/năm thì phải mất đến 10 năm mới đáp ứng được nhu cầu số lượng cần có cho 5 năm tới.

(Ngô Kim Khôi, 2009)

Nếu theo cách tính của Bộ GD&ĐT thì với tốc độ đào tạo chính quy như hiện nay sẽ rất khó để ngành CTXH có thể cung ứng đủ nhân lực đáp ứng yêu cầu của xã hội. Vì vậy, đào tạo lại sẽ hết sức quan trọng, bởi ngoài việc giải quyết về mặt số lượng nhân viên, việc đào tạo lại còn giúp cho những nhân viên CTXH đã có nhiều kinh nghiệm thực tiễn nhưng lại thiếu những phương pháp chuyên nghiệp sẽ nhanh chóng bắt nhịp được với những yêu cầu cụ thể của CTXH thậm chí có thể hơn cả những cử nhân CTXH mới ra trường.

Ngoài việc đẩy mạnh hoạt động đào tạo chính thức, việc đào tạo thông qua các lớp tập huấn kỹ năng cũng hết sức quan trọng, theo kế hoạch, mỗi năm Việt Nam sẽ phải tập huấn kỹ năng cho khoảng 2.500 cán bộ, nhân viên, cộng tác viên CTXH. Các lớp tập huấn kỹ năng chủ yếu sẽ dành cho các đối tượng đang làm việc liên quan tới CTXH nhưng lại thiếu những kỹ năng, phương pháp của CTXH chuyên nghiệp.

Rõ ràng, nhu cầu các hoạt động CTXH chuyên nghiệp là rất lớn, vì vậy, để phát triển chuyên nghiệp, tất yếu việc cần phải giải quyết ngay chính là vấn đề đào tạo nhân viên CTXH. Tuy nhiên, song song với hoạt động đào tạo, nhu cầu về các hoạt động nghiên cứu cũng hết sức quan trọng, bởi những nghiên cứu về CTXH hiện nay của Việt Nam còn quá mỏng. Thực tế này không chỉ khiến việc đào tạo nhân viên CTXH trở nên khó khăn do thiếu những cơ sở khoa học và thực tiễn về phát triển CTXH trong nước, mà còn hạn chế khả năng tiếp cận với các phương pháp, mô hình phát triển CTXH của nhiều quốc gia trên thế giới. Việc đẩy mạnh nghiên cứu khoa học về CTXH không chỉ là một nhu cầu quan trọng mà còn là một giải pháp quan trọng để phát triển nghề CTXH theo hướng chuyên nghiệp tại Việt Nam: “*Thực hiện nghiên cứu khoa học kết hợp với tổng kết, đánh giá thực tiễn để hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên, cộng tác viên CTXH và các dịch vụ xã hội*”. (Quyết định 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ).

Một trong những khó khăn đối với việc đào tạo CTXH ở bậc đại học hiện nay chính là sự thiếu hụt các tài liệu, sách giáo khoa, sách tham khảo về lĩnh vực CTXH.

Bảng 4: Đánh giá của cán bộ CTXH về hệ thống tài liệu về CTXH hiện có

Nhận xét	Tài liệu Tiếng Việt		Tài liệu tiếng nước ngoài	
	Tần suất	%	Tần suất	%
Thiếu trầm trọng	161	32,2	134	26,8
Thiếu	207	41,4	222	44,4
Đầy đủ	43	8,6	24	4,8
Tương đối đầy đủ	79	15,8	54	10,8
Dư thừa	0	0,0	3	0,6
Không biết	10	2,0	63	12,6
Tổng	500	100,0	500	100,0

Như vậy, dù là tài liệu tiếng nước ngoài hay Tiếng Việt thì cũng đều ở trong tình trạng thiếu thốn. Trong đó về tài liệu Tiếng Việt mức độ thiếu được đánh giá vào khoảng 73,6%, còn với tài liệu tiếng nước ngoài là 71,2%. Việc thiếu các tài liệu về CTXH tất yếu sẽ ảnh hưởng tới sự phát triển của CTXH chuyên nghiệp khi đây vừa là một nghề chuyên nghiệp nhưng cũng vừa là một ngành khoa học như nhiều ngành, nghề khác:

Nhiều trường được giao nhiệm vụ đào tạo ngành CTXH nói riêng đang gặp khó khăn về giáo trình, tài liệu thiếu thốn, thiếu cán bộ đầu đàn, thiếu chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm lâu năm để biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy về CTXH (nhất là các trường CĐ), đã dẫn đến tình trạng, một số môn học phải dạy chay, học chay.

(Ngô Kim Khôi, 2009)

Như vậy, nhu cầu đào tạo và nghiên cứu về CTXH cũng đang bức xúc không kém so với các lĩnh vực xã hội cần có sự hỗ trợ, can thiệp của nhân viên CTXH. Chắc chắn rằng CTXH ở Việt Nam chỉ có thể đáp ứng tốt nhu cầu xã hội khi chính ngành này có thể đáp ứng được những nhu cầu để đảm bảo chất lượng đào tạo. CTXH vẫn còn là lĩnh vực mới mẻ ở nước ta, hệ thống lý thuyết của nước ngoài, phương pháp và kỹ năng CTXH khi ứng dụng vào thực hành trong thực tế nước ta vẫn còn có những khó khăn nhất định. Để hoạt động CTXH đạt được hiệu quả, không chỉ cần những nghiên cứu trực tiếp về những vấn đề liên quan đến các nhóm đối tượng can thiệp, mà bên cạnh đó, việc nắm chắc và phát triển hệ thống lý thuyết, phương pháp và kỹ năng thực hành cũng rất quan trọng. Thực tế, không phải tất cả những người đang làm công việc của một nhân viên xã hội hiểu hết về những điều này. Chính vì thế cần có những nghiên cứu về chính những phương pháp, kỹ năng khi được áp dụng vào thực tiễn.

Tóm lại, để phát triển chuyên nghiệp, CTXH ở Việt Nam sẽ có rất nhiều điều phải làm để có thể giải quyết được tất cả những nhu cầu xã hội đặt ra, mà trước hết là chính những nhu cầu nội tại của việc đào tạo về số lượng cũng như đảm bảo về chất lượng sản phẩm đào tạo. Có một thực tế cần phải thừa nhận rằng, chất lượng giáo dục ĐH tại Việt Nam hiện nay đang có rất nhiều điều đáng nói và chất lượng đào tạo chuyên ngành CTXH cũng không nằm ngoài phạm vi này. Tuy nhiên, với đề án phát triển nghề CTXH, hi vọng rằng các hoạt động đào tạo và phát triển chuyên nghiệp nghề CTXH ở Việt Nam sẽ đạt được các mục tiêu đặt ra về hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau và ngành CTXH sớm khẳng định được vị thế của một nghề chuyên nghiệp như tại nhiều quốc gia khác trên thế giới. Để làm được điều này, yếu tố quyết định sẽ nằm ở đội ngũ cán bộ, nhân viên CTXH chuyên nghiệp và các chính sách xã hội đặc thù trong hoạt động công tác xã hội, đáp ứng các nhu cầu xã hội trong các lĩnh vực cụ thể./.

Tài liệu trích dẫn

- Bộ LĐTB&XH. 2010. Đề án Phát triển Nghề CTXH tại Việt Nam.
- Đàm Viết Cương. 2009. Nhu cầu và định hướng phát triển nghề CTXH trong lĩnh vực y tế, Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia Phát triển nghề CTXH, Nxb Thống kê.
- Thanh Hà. 2010. Bài toán giáo dục Kỹ năng sống. Truy cập từ http://svworks.vn/?men=1&content=consult_det&id=90
- Ngô Kim Khôi. 2009. Đào tạo CTXH ở Việt Nam. *Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia Phát triển nghề CTXH*, Nxb Thống kê.
- Nguyễn Thị Lan. 2009. CTXH với người cao tuổi ở Việt Nam. *Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia Phát triển nghề CTXH*, Nxb Thống kê.
- Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Điều 41.

- Nguyễn Thị Kim Ngân. 2009. Phát biểu tại Hội thảo quốc gia phát triển nghề CTXH. *Kỷ yếu Hội thảo quốc gia phát triển nghề CTXH, Nxb Thống kê.*
- Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP về *Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo.*
- Quyết định số 143/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn nghèo giai đoạn 2001-2005.
- Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn nghèo giai đoạn 2006-2010 thay thế Quyết định số 143/2001/QĐ-TTg.
- Nguyễn Trọng Tiến. 2009. CTXH với thanh niên. *Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia Phát triển nghề CTXH, Nxb Thống kê.*
- Nguyễn Duy Thăng. 2009. Bài phát biểu tại Hội thảo Phát triển nghề CTXH và định hướng phát triển CTXH chuyên nghiệp ở Việt Nam, *Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia Phát triển nghề CTXH, Nxb Thống kê.*
- Thông cáo báo chí. 2009. *Kỷ yếu Hội thảo quốc gia phát triển nghề CTXH, NXB Thống kê.*
- Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam. 2010. Các kết quả chủ yếu. NXB Thống kê.
- Quyết định 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt đề án Phát triển Nghề CTXH tại Việt Nam giai đoạn 2010- 2020, mục các giải pháp của Đề án.